

# NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA NHO GIÁO

NGUYỄN THANH BÌNH<sup>(\*)</sup>

Nho giáo với tư cách là một hệ thống tư tưởng xuất hiện ở Trung Quốc từ thời cổ đại, bao gồm nhiều học thuyết: triết học, chính trị, đạo đức, giáo dục, quản lý xã hội, v.v... Những học thuyết này đan xen, xâm nhập vào nhau trong một chỉnh thể. Nội dung tư tưởng của Nho giáo phản ánh và đề cập đến nhiều lĩnh vực, nhiều mặt, nhiều mối quan hệ của đời sống xã hội và con người, và chủ yếu từ phương diện chính trị - đạo đức. Lĩnh vực chủ yếu (cũng là lĩnh vực phức tạp nhất) của xã hội mà Nho giáo đề cập, phản ánh là *lĩnh vực chính trị*; các mối quan hệ xã hội chủ yếu nhất (cũng là quan hệ phức tạp nhất) mà Nho giáo phản ánh là mối *quan hệ chính trị* hay có tính chính trị; con người mà Nho giáo đề cập chủ yếu nhất là *con người chính trị - đạo đức* và được nhìn nhận chủ yếu từ các quan hệ chính trị. Do vậy, có thể khẳng định rằng, về cơ bản và thực chất, Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội, hay nói cách khác, tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo là tư tưởng chủ yếu, có tính bao trùm trong hệ thống tư tưởng Nho giáo.

Chính vì Nho giáo là học thuyết chính trị - xã hội nên nhiều triều đại

phong kiến ở Trung Hoa (đặc biệt từ thời Hán trở đi) và ở Việt Nam từ thời Lý đều vận dụng Nho giáo với tính cách là cơ sở lý luận chủ yếu để xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền và chế độ chính trị phong kiến. Đồng thời, các triều đại này đều sử dụng Nho giáo với tính cách là bộ đồ chính trị và là công cụ chủ yếu của giai cấp phong kiến, của Nhà nước phong kiến nhằm xác lập, bảo vệ và duy trì sự tồn tại vĩnh viễn địa vị thống trị, quyền lực tuyệt đối và lợi ích của mình cũng như nhằm thống trị, nô dịch các giai cấp, đẳng cấp khác về mặt tư tưởng, tinh thần và trói buộc những giai cấp, đẳng cấp này trong cái khuôn khổ của chế độ phong kiến hiện hành.

Dưới đây xin khái quát một số nội dung chủ yếu trong tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước phong kiến.

1. Tư tưởng của nhiều nhà Nho và của Nho giáo nói chung cho thấy, Nho giáo luôn khẳng định và đặc biệt đề cao địa vị tối thượng, vai trò cũng như

---

<sup>(\*)</sup> TS., Khoa Triết học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

quyền uy tuyệt đối của Trời (Thiên) hay *Thượng đế*. Theo đó, Trời là chúa tể sáng tạo ra vũ trụ, vạn vật, con người; là lực lượng chi phối trật tự, sự vận hành của tự nhiên, xã hội cũng như thân phận, số phận của con người. Các vai trò đó của Trời được các nhà Nho gọi là *Thiên mệnh* (hay Thiên đạo). Như sách *Kinh Lễ* viết “Vạn vật bản hồ thiên” (Vạn vật gốc ở trời), sách *Kinh Thi* thì chỉ rõ rằng, “Trời sinh ra người thì người phải lấy trời làm gốc”. Với *Đổng Trọng Thư* thì, trật tự (quy luật) của tự nhiên, của xã hội cùng sự vận hành của nó là do Trời sinh ra, sắp đặt và không bao giờ thay đổi nếu như “ý trời” chưa thay đổi (Thiên bất biến, đạo diệc bất biến). Ngay con người sở dĩ có tứ chi, ngũ tạng, lúc vui khi buồn,... xã hội có ngũ luân, con người có ngũ thường thì theo *Đổng Trọng Thư* là do Trời, có được là nhờ Trời. Không những thế, theo Nho giáo, Trời còn có vai trò quyết định, chi phối số phận, thân phận, sự thành bại của mỗi người và ngay cả sự thịnh suy, hưng vong, thành bại của chế độ, triều đại, của quốc gia. Như *Khổng Tử* nói: “Sống chết có số, giàu sang bởi trời” và “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” [3].

Vì Trời có địa vị, vai trò to lớn như vậy, cho nên theo Nho giáo, con người (kể cả nhà vua, bậc quân tử) trước hết và cơ bản là phải tri (biết), phải ỷ (sợ) Trời, mệnh Trời và sau đó phải suy nghĩ, hành động theo đúng mệnh Trời, đạo Trời. Nếu không như vậy, sẽ mắc tội với Trời và bị Trời trừng phạt.

Tuy nhiên, khác với nhiều tôn giáo và nhiều học thuyết duy tâm khác chủ yếu nhìn nhận Trời, Thượng đế là lực lượng siêu tự nhiên, tồn tại bên ngoài

giới tự nhiên và xã hội, Nho giáo và quan niệm của nhiều nhà Nho không hoàn toàn, cũng không chủ yếu là như vậy. Với Nho giáo, Trời chính là *Vua* (Thiên tử), một ông vua thực tế, cụ thể - một ông vua được nhìn nhận là chủ thể chính trị tuyệt đối, tối cao. Do vậy, quyền lực của nhà vua là quyền lực chính trị tuyệt đối, tối cao; địa vị của nhà vua là địa vị chính trị cao nhất và tối thượng. Các ông vua chính trị ấy đứng lên trên các thực thể chính trị khác, chi phối mọi mối quan hệ chính trị khác của xã hội và con người. Cũng theo Nho giáo, chỉ có ông vua là người duy nhất được nhận “mệnh Trời” và thay Trời hành đạo là trị nước, trị dân. Do vậy mà, ý Trời là ý vua, mệnh Trời là quyền lực của vua; trái với ý, quyền lực của vua cũng chính là trái với ý Trời, mệnh Trời.

Các triều đại phong kiến ở nhiều nước phương Đông chịu ảnh hưởng của Nho giáo đã dựa vào tư tưởng này để biện hộ, bảo vệ địa vị tối thượng và vai trò tuyệt đối của nhà vua. Theo đó, vua là Trời, vua cũng là nước, nước là của vua; tất cả trong thiên hạ đều thuộc quyền sở hữu của nhà vua; Vua là người đứng đầu bộ máy nhà nước, triều đại, quốc gia, cũng đồng thời là người đứng đầu của muôn dân; là người duy nhất ban hành pháp luật nhưng không bị ràng buộc bởi pháp luật, v.v...

2. Vấn đề con người là một trong những nội dung chủ yếu trong học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo, được các nhà Nho xây dựng một cách có hệ thống, chặt chẽ nhất ở các nội dung cơ bản: nguồn gốc và bản tính của con người, các mối quan hệ xã hội cơ bản của con người và vai trò của con người. Con người trong tư tưởng Nho giáo

không phải là con người chung chung, trừu tượng mà là con người cụ thể, tồn tại trong các mối quan hệ chính trị - xã hội cụ thể (quân - thần, phụ - tử, phu - phụ, trưởng - ấu, huynh - đệ,...) và vai trò của con người biểu hiện cụ thể ở trong từng mối quan hệ cụ thể này.

Tất nhiên, như trên đã trình bày, Nho giáo nhìn nhận con người chủ yếu là con người chính trị, con người đạo đức; những mối quan hệ xã hội cơ bản của con người được nhìn nhận chủ yếu từ phương diện chính trị - đạo đức. Vì vậy, vai trò của con người cũng chủ yếu được nhìn nhận từ phương diện chính trị - đạo đức. Cho nên những quy phạm và chuẩn mực đạo đức mà nhà Nho yêu cầu, đòi hỏi mỗi người phải tu dưỡng, rèn luyện, học tập, thi hành là nhằm những mục đích chính trị. Nói cách khác, ở Nho giáo, chính trị và đạo đức gắn bó chặt chẽ với nhau; con người lý tưởng, xã hội lý tưởng trong quan niệm của nhà Nho là con người đạo đức, là xã hội có đạo đức.

2.1. Trong nhiều mối quan hệ xã hội của con người, Nho giáo bàn nhiều đến năm mối quan hệ (Ngũ luân): vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em và bạn bè. Nhưng Nho giáo chủ yếu và đặc biệt quan tâm, coi trọng đến ba mối quan hệ (Tam cương): vua - tôi (quân - thần), cha con (phụ - tử), chồng - vợ (phu - phụ). Trong từng mối quan hệ này, Nho giáo đưa ra những yêu cầu về thái độ, trách nhiệm về mặt đạo đức (hay mang nội dung đạo đức) cho mỗi người nhằm những mục đích chính trị - đạo đức: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và nhằm ràng buộc, cột chặt con người vào khuôn khổ và trật tự của chế độ đẳng cấp phong kiến hết sức cứng nhắc và khắc nghiệt.

*Quan hệ vua - tôi* là mối quan hệ cơ bản nhất, có tính bao trùm, nó phản ánh mối quan hệ chính trị thực tiễn cơ bản của con người. Trong mối quan hệ này, Nho giáo luôn khẳng định và đặc biệt đề cao vai trò và địa vị tối thượng của nhà vua. Khái niệm có tính chính trị mà Nho giáo đưa ra là *Trung* mà theo đó, yêu cầu mọi người, mọi tầng lớp (thần, bệ tôi) phải tuyệt đối trung thành với nhà vua, phải xả thân vì vua (thần sự quân dĩ trung), “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”. Trung với vua cũng là cái đức cơ bản và quan yếu nhất của mỗi người; đó còn là thái độ, trách nhiệm và là nghĩa vụ lớn nhất của bách quan và thần dân trong thiên hạ. Vua còn là cha mẹ của dân, do vậy, đức trung cũng là đức hiếu, tận trung cũng là tận hiếu. Vua còn là thiên tử (con Trời), do vậy, làm trái đạo trung là làm trái ý trời, mệnh trời, đạo trời.

Tất nhiên, Nho giáo cũng yêu cầu nhà vua phải thương yêu (*Nhân*) bệ tôi, thần dân trong thiên hạ. Nhà vua có nhân, luôn tu dưỡng đức nhân và thi hành đức nhân đối với dân (dưỡng dân, giáo dân, bảo dân) thì nhà vua mới có đạo đức, mới bảo vệ được ngai vàng, mới là ngôi sao “Bắc Đẩu”, mới làm tròn trách nhiệm là người “thay trời trị dân”, mới thu phục được nhân tâm và mới trị quốc, bình thiên hạ được, v.v...

*Quan hệ cha - con* cũng là mối quan hệ cơ bản của con người trong gia đình, gia tộc. Theo Nho giáo, ở mỗi quan hệ này, cha mẹ là người sinh ra con cái, cho nên cha mẹ phải có đức *Tử*, là đòi hỏi người làm cha mẹ phải có bổn phận, trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con cái, thương yêu con cái. Còn đối với con cái, cái đức cần có của họ là đức *Hiếu*, đòi hỏi, yêu cầu con cái phải nuôi dưỡng,

kính trọng cha mẹ, vâng lời cha mẹ và phải làm rạng danh cha mẹ. Tất nhiên, trong mối quan hệ này, Nho giáo đặc biệt đề cao địa vị, vai trò của cha mẹ, do đó và theo đó, Nho giáo nhấn mạnh đức hiếu cũng tức là nhấn mạnh thái độ, trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Như Mạnh Tử chỉ rõ: “Thờ cha mẹ là điều quan trọng nhất, là gốc của muôn việc” [3, 1048]. Còn Khổng Tử thì yêu cầu con cái: “Lúc cha mẹ còn sống, lấy lễ mà thờ kính; lúc cha mẹ qua đời, lấy lễ mà chôn cất, lấy lễ mà tế tự” [3, 218]. Có được đức hiếu, theo Nho giáo, người con mới có đạo đức, mới được lòng cha mẹ và vì vậy, như Mạnh Tử chỉ rõ: “Không được lòng cha mẹ chẳng đáng làm người, không thuận thảo với cha mẹ chẳng đáng làm con” [3, 1057]. Nhưng từ Đổng Trọng Thư trở đi, các nhà Nho lại đặc biệt đề cao đến mức tuyệt đối hoá địa vị và vai trò của người cha. Theo đó, cha là Trời của con cái, con cái phải tuyệt đối phục tùng uy quyền, mệnh lệnh, ý chí của người cha.

*Quan hệ chồng - vợ* là một trong ba mối quan hệ trong gia đình, là cơ sở quan trọng hình thành các quan hệ khác: có vợ chồng mới có cha - con, có cha - con mới có anh - em, có anh - em mới có vua - tôi. Vì vợ chồng là hữu biệt, cho nên vợ chồng phải có đức *Nghĩa*, đức *Nhân*, tức là phải thương yêu nhau, phải luôn có trách nhiệm với nhau và có như vậy gia đình mới hoà thuận, mới là tấm gương cho con cái. Cả Khổng Tử và Mạnh Tử đều đòi hỏi người chồng phải làm tròn đạo lý (trách nhiệm về mặt đạo đức) vì như Mạnh Tử nói: “Bản thân không làm theo đạo lý, bảo vợ con cũng chẳng nổi” [3, 1344]. Còn với người vợ thì phải nhu thuận, như Mạnh Tử nói “Lấy nhu thuận làm điều chính yếu, ấy

là đạo của người vợ” [3, 971]. Và theo Nho giáo, người vợ có đạo đức phải là người hội đủ tứ đức: công, dung, ngôn, hạnh.

Tuy nhiên, cũng từ Đổng Trọng Thư trở đi, các nhà Nho lại đặc biệt đề cao địa vị, vai trò của người chồng, theo đó chồng là Trời, là giếng mối của người vợ, cho nên người vợ phải tuyệt đối phục tùng quyền uy, mệnh lệnh của người chồng. Nhìn chung, trong quan niệm của Nho giáo, người vợ, người phụ nữ nói chung không có đạo đức, tài trí (đôi khi Khổng Tử coi người phụ nữ là tiểu nhân). Do vậy, địa vị và vai trò của họ bị xem nhẹ, bị hạ thấp so với địa vị và vai trò của người đàn ông. Hạn chế này của Nho giáo dẫn đến thái độ, tư tưởng khinh miệt, coi thường phụ nữ tồn tại phổ biến và lâu dài trong các xã hội chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

Điều mà chúng tôi lưu ý ở đây là, trong quan niệm của Nho giáo về con người, về vai trò của con người trong cái khuôn mẫu “Tam cương” để từ đó định rõ trách nhiệm, bổn phận của mỗi người với nhau, với nhà vua, với cộng đồng,... tất cả là nhằm cột chặt con người vào trong từng “cương” ấy, vào nhà vua, vào cái trật tự đẳng cấp, tông pháp hết sức khác nghiệt của chế độ chính trị phong kiến. Cái trật tự bất di bất dịch ấy là, vua là người có địa vị tối cao, quyền uy của vua là tuyệt đối; trong gia đình thì địa vị và vai trò của người cha, người chồng, người đàn ông là cao hơn, lớn hơn người con, người vợ, người phụ nữ. Nó được các nhà nước phong kiến dùng để biện hộ, bảo vệ “tính hợp lý” cái ngai vàng của nhà vua, cái địa vị, cái quyền thống trị của giai cấp phong kiến và sự tồn tại vĩnh viễn của chế độ chính trị phong kiến.

2.2. Ngoài ba mối quan hệ kể trên (Tam cương), Nho giáo đặc biệt quan tâm nhiều đến mối quan hệ vua - dân.

*Quan hệ vua - dân* là mối quan hệ chính trị - xã hội có nội hàm rộng nhất so với nội hàm của các mối quan hệ xã hội khác. Mối quan hệ này cùng vai trò của con người (nhà vua và dân) được các nhà Nho đặc biệt quan tâm, bàn luận nhiều nhất trong *Ngũ kinh*, *Tứ thư* và các tác phẩm khác của Nho giáo.

Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là, dân là ai và vai trò của họ là gì trong tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo?

Nội hàm phạm trù “Dân” trong tư tưởng của Nho giáo là không đồng nhất. Có khi Nho giáo coi dân là “thần dân”, “bê tô” bao gồm tất cả mọi người trong thiên hạ (trừ nhà vua) như sách *Kinh Thi* viết: “trên mặt đất, không người nào chẳng phải bê tô của nhà vua” [Dẫn theo: 3, 1120]. Có khi dân là những người bị thống trị, bị áp bức, là lực lượng đối lập với tầng lớp thống trị (vua - quan). Cũng có khi dân chỉ bao gồm những người dân luôn nghe theo và hành động theo giáo hoá. Tuy vậy, dân được phân đông nhà Nho bàn đến là những tầng lớp người bị áp bức, bị thống trị, họ là đối tượng của chủ thể chính trị (vua, quan), của quyền lực chính trị.

Trong quan niệm của nhà Nho, dù dân có được coi là con Trời, là Trời đi chăng nữa thì họ cũng chỉ là người hèn kém (không có đạo đức và tài trí). Tuy vậy, dân lại có ba vai trò chủ yếu: 1/ là lực lượng to lớn trong xã hội, là những người tạo ra toàn bộ của cải cho xã hội; 2/ là gốc của nước, là nền tảng của chế độ chính trị mà theo đó, không có dân thì không có nước, không có nước thì không có vua (Mạnh Tử), họ là “nước” còn vua

chỉ là “thuyền” (Tuân Tử); 3/ là lực lượng bảo vệ ngôi vua và chế độ chính trị phong kiến. Có nghĩa là theo Nho giáo, dân và vai trò của dân có quan hệ đến sự hưng vong, thịnh suy, thành bại của ngôi vua, của nền chính trị, của quốc gia.

Từ quan niệm về dân và vai trò của dân như vậy, nhà Nho luôn yêu cầu, đòi hỏi nhà vua, người cầm quyền (chủ thể quyền lực chính trị) phải luôn quan tâm đến dân, phải thật sự coi dân là “gốc”, là “quý”; đối với dân phải cung, khoan, tín, mẫn, huệ, phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với dân. Có như vậy, nhà vua mới xứng đáng là “cha mẹ của muôn dân”, mới được nước, được dân, mới hợp với ý dân, lòng dân và nền chính trị mới vững bền. Để nhằm mục đích này, Nho giáo đòi hỏi nhà vua, người cầm quyền phải thi hành hai chính sách Dưỡng dân và Giáo dân.

Trong chính sách *Dưỡng dân*, theo các nhà Nho thì nhiệm vụ cơ bản, chủ yếu nhất là phải luôn quan tâm đến đời sống vật chất của dân, phải làm cho dân được no đủ để dân không chết đói, chết rét, mới có đủ điều kiện để trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi vợ con (Mạnh Tử). Muốn vậy, Nho giáo yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải “giúp dân làm giàu” [3, 504], phải tạo cho dân có tài sản riêng và bền vững (hàng sản), phải “quy định điền sản cho dân, dạy dân biết trồng trọt, chăn nuôi, hướng dẫn vợ con, khiến họ phụng dưỡng người già trong gia đình” [3, 1308], để “sao cho đậu và thóc dồi dào như nước và lửa. Đậu và thóc dồi dào như nước và lửa, làm sao dân chúng còn làm chuyện bất nhân” [3, 1309], sai khiến dân không được trái thời vụ, mùa màng của dân, phải giảm thuế khoá cho dân, phải làm cho dân an cư, lạc nghiệp [3, 722].

Dưỡng dân, theo Nho giáo, còn yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải là người “bảo hộ” dân, không được giết dân, phải giảm hình phạt cho dân nếu dân phạm tội, vì như Mạnh Tử nói: “Nếu như có ai không ham giết người, ắt dân chúng trong thiên hạ nghiêng cổ trông mong vậy. Thật tình được như thế, ắt dân theo về, như nước chảy xuống chỗ thấp, ào ào ai mà ngăn được” [3, 735]. Còn “Bạo ngược với dân, nếu quá đáng thì bản thân bị giết, đất nước diệt vong, chưa đến nỗi quá đáng thì bản thân cũng bị lâm nguy, đất nước cắt xén” [3, 1021]. Ngoài ra, nhà vua và người cầm quyền phải “lo trước thiên hạ” và “vui sau thiên hạ” [3, 778], v.v...

*Giáo dân* (giáo dục, giáo hoá) là chính sách cơ bản trong đường lối chính trị mà nhà Nho yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải thi hành đối với dân. Từ chỗ cho rằng, bản tính của con người từ khi mới sinh ra là dã trực, là thiện hay là ác như thế nào đi chăng nữa và do trời phú cho con người thì theo Nho giáo, cái bản tính ấy cũng không phải là nhất thành bất biến. Trong quan niệm của nhiều nhà Nho, đối với người dân, ngay từ khi lọt lòng, người dân đã đánh mất đi cái bản tính này rồi vì họ luôn bị vật dục chi phối. Cho nên, nếu dân không được giáo dục, giáo hoá thì họ mãi là người hèn kém, không có đạo đức thì không có việc gì ác (để có lợi) mà họ không làm, người dân mà không được giáo dục, giáo hoá thì họ không khác gì cầm thú. Do vậy, theo Nho giáo, giáo dục, giáo hoá dân là một trong những biện pháp cần thiết, thường xuyên của nhà vua, người cầm quyền. Và cũng theo Nho giáo, giáo hoá còn quan trọng hơn cả chính trị. Như Mạnh Tử nói: “Giáo hoá tốt thu được lòng dân còn hơn

là chính trị tốt. Chính trị tốt khiến dân sợ hãi, giáo hoá tốt được dân thương yêu. Chính trị tốt là đem tài sản cho dân, giáo hoá được lòng dân” [3, 1297] và “Phải dạy người bằng điều thiện, rồi sau mới có thể thu phục thiên hạ. Thiên hạ không tâm phục mà dựng nên vương nghiệp là chuyện chưa từng có” [3, 1071]. Với Đổng Trọng Thư, giáo hoá còn là biện pháp lớn để *trị thiên hạ*.

Theo Nho giáo, mục đích của *giáo dân* là làm cho dân có được cái “đạo làm người”, là làm cho dân có đạo đức, để từ đó, họ mới dễ bị sai khiến, mới tận trung với nhà vua, với chế độ chính trị của nhà vua, mới tận hiếu với cha mẹ, là làm cho dân có thói quen tuân phục các chuẩn mực, quy phạm đạo đức và an phận với cảnh nghèo, với địa vị là người bị cai trị và nuôi dưỡng, bảo vệ người cai trị. Có nghĩa là, “giáo dân” là để đào tạo ra những tầng lớp người, phù hợp với lợi ích và nhu cầu của nhà vua, của giai cấp phong kiến thống trị, của chế độ chính trị phong kiến. Nó gắn chặt với chính trị, vì mục đích chính trị. Với mục đích đó, dễ hiểu vì sao nội dung giáo dục, giáo hoá chủ yếu trong tư tưởng Nho giáo là đạo đức, là những chuẩn mực, quy phạm đạo đức.

Như vậy, các chính sách “Dưỡng dân” và “Giáo dân” mà nhà Nho đề xuất và yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải thi hành đối với dân là có những giá trị và ý nghĩa tích cực của nó. Hơn thế nữa, theo Nho giáo, để hai chính sách này thực hiện thành công còn phụ thuộc chủ yếu vào việc nhà vua, người cầm quyền phải có đạo đức và có giáo dục; phải luôn luôn tu dưỡng đạo đức, đặc biệt phải đem cái đức ấy của mình làm gương cho dân noi theo, phải bỏ hoá cái đức trong khắp thiên hạ bằng việc thi

hành các chính sách mang nội dung đạo đức, có tính đạo đức. Tất nhiên “Đưỡng dân” và “Giáo dân” theo Nho giáo không hoàn toàn là vì dân, không chủ yếu là vì dân, cũng không phải là mục đích tự thân của nền chính trị phong kiến. Cái gọi là “vì dân” ấy cũng chỉ là “phương tiện” để đạt tới mục đích chủ yếu và cuối cùng là vì sự tồn tại vĩnh viễn địa vị thống trị và lợi ích của nhà vua, của nhà nước phong kiến mà thôi.

Tư tưởng của Nho giáo về dân, về vai trò của dân cũng như thái độ, trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân thể hiện trong mối quan hệ vua - dân với những nội dung, giá trị và hạn chế của nó đã được nhiều nhà nước phong kiến phương Đông chịu ảnh hưởng Nho giáo vận dụng với tư cách là cơ sở lý luận trong việc xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến, cũng như trong việc đề xuất, thực thi đường lối và các chủ trương, quyết sách chính trị của nhà vua, nhà nước phong kiến trong việc cai trị, quản lý xã hội.

Như vậy, tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước phong kiến ở các mặt, các phương diện: bộ máy và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước; là căn cứ lý luận chủ yếu để hình thành và thực thi đường lối Đức trị, xây dựng và triển khai nền giáo dục - khoa cử và nền pháp luật; là phương tiện, công cụ chính trị chủ yếu và hữu hiệu

nhất trong việc duy trì sự tồn tại vĩnh viễn Nhà nước phong kiến, địa vị, vai trò thống trị của giai cấp phong kiến thống trị và trật tự kỷ cương và sự ổn định của chế độ phong kiến □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* (trọn bộ) (2010), (Viện Sử học dịch và giới thiệu), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập II*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Chu Hy (Nguyễn Đức Lân dịch và chú giải) (1998), *Tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Hưng, Lương Gia Tĩnh, Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Triết học phương Đông và phương Tây - vấn đề và cách tiếp cận*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, tập 1* (1998), (Viện Sử học dịch và giới thiệu), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. *Quốc triều hình luật* (Viện Sử học dịch và giới thiệu) (1995), in lần thứ 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn biên soạn (1960), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, tập I*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.